

Số: /CV-BV
V/v mời tham gia thẩm định giá

Đồng Văn, ngày tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá các mặt hàng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư khác. Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư khác năm 2025-2026 của Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, để Bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên (Có phụ lục đính kèm).

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn chậm nhất đến 17 giờ 00 phút ngày 15/11/2024.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: khoa Dược - Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, Tổ 7 thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Điện thoại: 0915. 566.752.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Website Sở Y tế Hà Giang;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Sấn Văn Cương

PHỤ LỤC
DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ, HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM VÀ VẬT TƯ KHÁC NĂM 2025-2026
(Kèm theo Công văn số /CV-BV ngày tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Đông Văn)

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
1	Bông y tế thấm nước	Sản phẩm được sản xuất từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao - Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Tấm bông dày mỏng đa dạng đáp ứng yêu cầu của Bệnh viện - Không mùi, không vị. Không độc tố và không gây dị ứng. - Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây - Độ ẩm: ≤ 8%; pH: Trung tính; không có tinh bột và Dextrin - Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. F16	Kg	100	Công ty TNHH Anh Phát/ Việt Nam	
2	Que tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm	- Que tăm bông được tiệt trùng bằng khí E.O, đựng trong mỗi ống nhựa, chiều dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông - Nắp ống được làm bằng nhựa PP chánh phẩm. Nắp màu đỏ - Sản phẩm sử dụng một lần	Cái	2.000	Nantong Renon Laboratory Equipment co.,ltd / Trung Quốc	
3	Băng cuộn 5cm x 5 m	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, 9001, GMP	Cuộn	5.000	An Lành; Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
4	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cmx5m	<p>Chất liệu: Keo polyvinyl acetate (100%) không dị ứng</p> <p>Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Polymer trong phân tán nước, dính tốt. Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo.</p> <p>Lỗi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không sót keo trên da khi tháo băng</p> <p>Kích thước: 2.5cm x 5m</p>	Cuộn	1.000	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
5	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	<p>Chất liệu: Keo polyvinyl acetate (100%) không dị ứng</p> <p>Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Polymer trong phân tán nước, dính tốt. Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo.</p> <p>Lỗi: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, không sót keo trên da khi tháo băng</p> <p>Kích thước: 5cm x 5m</p>	Cuộn	1.500	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
6	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	<p>Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO. Gas.</p>	Cái	2.000	Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại An Lành/ Việt nam	
7	Gạc hút y tế khổ 1.2m	<p>Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.</p>	Mét	10.000	Công ty TNHH Đầu tư & Thương mại An Lành	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
8	Bơm cho ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 	Cái	500	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
9	Bơm tiêm 100 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	<p>Dùng cho bơm tiêm cần quang Nemoto - SMART SHOT ALPHA</p> <p>Gồm 01 bơm tiêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 100ml - Áp suất: 300 psi. - Khóa Luer - Chất liệu: ống bơm: PCTG, Pittong: PP, Miếng đệm: TPV - Đóng gói: dạng túi, Túi bọc – Mặt giấy: Giấy Tyvek, Túi bọc – Mặt phim: PET + LLDPE - Phương pháp tiệt trùng: ETO - Tiêu chuẩn FSC, ISO 13485 	Cái	780	Pacific Hospital Supply Co., Ltd/ Đài Loan	
10	Bơm tiêm Insulin 1 ml (100UI)	<p>Kim sắc bén giúp ít đau và thoải mái hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế Uni-Body nâng cao • Thiết kế không gian chết thấp đảm bảo chính xác và hạn chế hao hụt thuốc • Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc • Kim sử dụng một lần • Không chứa chất dị ứng, không chứa latex. Không độc hại, không gây sốt • Dung tích 1ml • Tiệt trùng bằng khí EO <p>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</p>	Cái	8.000	Poly Medicure Limited/ Ấn Độ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> • Kích thước 51050, 51020: U100 30Gx5/16 - 0.30x8mm 51060, 51030: U100 31Gx5/16 - 0.25x8mm 51120: U40 30Gx5/16 - 0.30x8mm 				
11	Bơm tiêm Insulin 1 ml (40UI)	<ul style="list-style-type: none"> Kim sắc bén giúp ít đau và thoải mái hơn • Thiết kế Uni-Body nâng cao • Thiết kế không gian chết thấp đảm bảo chính xác và hạn chế hao hụt thuốc • Đầu kim vát 3 mặt chính xác, phủ Silicon, nút chặn pít tông và ống tiêm trong suốt, vạch chia lớn dễ đọc • Kim sử dụng một lần • Không chứa chất dị ứng, không chứa latex. Không độc hại, không gây sốt • Dung tích 1ml • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu • Kích thước 51050, 51020: U100 30Gx5/16 - 0.30x8mm 51060, 51030: U100 31Gx5/16 - 0.25x8mm 51120: U40 30Gx5/16 - 0.30x8mm 	Cái	20.000	Poly Medicure Limited/ Ấn Độ	
12	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư 	Cái	40.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>				
13	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn - Xy lanh đầu côn hoặc đầu xoắn, trong suốt, nhãn bóng không cong vênh, không có bavìa. Vạch chia dung tích rõ nét - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo độ kín khít giữa pít tông và xi lanh - Pít tông có khía bề gãy để hủy. - Kim: kim tiêm các cỡ. Làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Cái	50.000	TANAPHAR; Việt Nam	
14	Bơm tiêm 10ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 	Cái	100.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
15	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba via. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. 	Cái	20.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
16	Bơm tiêm 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn - Xy lanh đầu côn hoặc đầu xoắn, trong suốt, nhẵn bóng không cong vênh, không có bavìa. Vạch chia dung tích rõ nét - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo độ kín khít giữa pít tông và xi lanh - Pít tông có khía bề gãy để hủy. - Kim: kim tiêm các cỡ. Làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Cái	500	TANAPHAR; Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
17	Kim cánh bướm các loại, các cỡ	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	25.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
18	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	Kim các số G18, G20, G23, Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	3.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
19	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch được làm bằng chất liệu Nhựa y tế, có cánh có công tiêm. Đầu kim vát 3 mặt. Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Thành kim mỏng, có Luer lock , Cỡ kim 16G,18G/20G/22G., 24G Tốc độ dòng chảy khác nhau tùy thuộc vào số kim (Tốc độ dòng chảy: khoảng 23ml/ phút), Kích thước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chất liệu Catheter FEP. Kim bằng thép không gỉ. Kim tráng bằng silicon. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	30000	Disposafe - Ấn Độ	
20	Kim chọc dò các cỡ	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài ,sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Các cỡ	Cái	100	Bbraun Aesculap Japan Co. Ltd; Nhật Bản	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
21	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Kim gây tê tủy sống đầu kim cắt vát 3 mặt. Đốc kim trong suốt có phản quang, dễ dàng quan sát khi dịch chảy ra. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. - Kích cỡ: có tối thiểu các cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	Cái	300	TMT TIBBI Medical -Thổ Nhĩ Kỳ	
22	Kim lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Kim làm bằng thép không gỉ, cỡ 16G - Kim có cánh định vị cánh xoay với màu màu đỏ 16G, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon giúp lấy ven dễ dàng, giảm đau - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng - Mặt sau có lỗ backeye - Chiều dài kim: 25 (mm) - Chiều dài dây gắn với kim: 300 (mm); Đạt Tiêu chuẩn: ISO 13485, EC.	Cái	1.000	Nipro/ Thái Lan	
23	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim chất liệu không gỉ Đầu kim được mài sắc Kim vĩ nhôm, đốc đồng có khuyết Đóng gói: 10 vi/hộp, 10 kim/vi Vô trùng, sử dụng 1 lần.	Cái	50.000	Wujiang Jiachen Acupuncture Devices Co., Ltd; trung Quố	
24	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các cỡ	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$, có van khóa điều chỉnh, van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn, Bồng nhỏ giọt có màng lọc dịch.	Bộ	40.000	Công ty TNHH Vật Tư Y Tế Omega, Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
25	Bộ dây truyền dịch kim thường các cỡ	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Có cổng tiêm thuốc. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Bầu đếm giọt có dung tích $\geq 8,5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\approx 15\mu\text{m}$. Kim các cỡ 21G X 1/2, 22G x 1/4, 23G x 1". Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$.	Bộ	5.000	MPV - Việt Nam	
26	Bộ dây truyền máu	Dây truyền máu dùng để truyền máu hoặc phụ kiện của hệ thống truyền máu. <ul style="list-style-type: none"> • Dẫn truyền bằng trọng lực • Buồng nhỏ giọt trong suốt • Tốc độ truyền khoảng 20 giọt/ml • Dây PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP • Màng lọc 200 micron, Khóa Luer • Chiều dài dây: 150 cm. Kim size: 18G X 1 1/2" • Khối lượng mỗi 6.46ml/m • Đường kính ống dây: ID 3 mm & OD 4.1 mm • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Bộ	100	Poly Medicure Limited/ Ấn Độ	
27	Dây nối bơm tiêm điện các cỡ	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\leq 0.9\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$, có khóa chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	900	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
28	Dây truyền thuốc dùng cho bơm tiêm cân quang	<p>Dùng cho bơm tiêm cân quang Nemoto Smartshot alpha 01 dây truyền dạng xoắn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: dây truyền: PVC, bộ chuyển đổi Luer: PVC, nắp chụp thông hơi: HDPE, nắp trượt đực: LDPE, nắp Luer đực: PVC - Áp suất 300psi - Chiều dài: 1500mm - Đường kính trong: 1.77mm - Đường kính ngoài: 3.25mm - Đóng gói: dạng túi, Túi bọc – Mặt giấy: Giấy, Túi bọc – Mặt phim: PET+PE film - Phương pháp tiệt trùng: ETO - Hàng chính hãng có FSC, ISO13485 	Chiếc	800	Pacific Hospital Supply Co., Ltd/ Đài Loan	
29	Khóa ba ngã không dây	<p>Khoá 3 ngã, không dây nối, chất liệu nhựa polycarbonate tại thân chống nứt gãy rò rỉ, khóa vận bằng PVC xoay 360 độ, chịu áp lực cao < 2 bar, không có chất DEHP. Đóng gói vô trùng từng cái.</p>	Cái	2.000	Disposafe Health and Life Care Ltd.; Cộng hòa Ấn Độ	
30	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	<ul style="list-style-type: none"> - Găng tay cao su y tế HBGLOVE (Các size: XS, S, M, L...), Chất liệu được sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, bên trong có phủ bột chống dính, mềm mại, độ bền cao, chưa tiệt trùng - Ưu điểm: Dẻo, co giãn đàn hồi tốt, khó rách; Dễ đeo, dễ sử dụng, cầm nắm thật tay; Không giãn nở khi gặp nước, dầu, hóa chất; Không gây dị ứng; Cổ tay se viền; chưa tiệt trùng, có thể hấp được ở nhiệt độ lên đến 110°C, dùng thuận cho cả 2 tay, sử dụng 1 lần. - Chiều dài ≥ 240mm, chiều rộng: XS: 70±5mm; S: 89±5mm; M: 95±5mm; L: 111±5mm. - Độ dày đầu ngón tay ≥ 0.1mm; Lòng bàn tay, cổ tay ≥ 0.1mm. 	Đôi	200.000	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ dai trước khi dùng $\geq 18\text{MPa}$; độ dai sau khi dùng $\geq 14\text{MPa}$. - Độ dẫn (trước già hóa $\geq 650\%$, sau già hóa $\geq 550\%$). - Lượng bột $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$. Lượng Protein $\leq 200\text{ mg}/\text{dm}^2$. - Quy cách: 50đôi/ hộp; đóng gói 500 đôi/Thùng. 				
31	Găng cao su các loại, các cỡ (không bột)	<p>Găng tay y tế không bột chưa tiệt trùng chuyên dùng trong y tế, được sản xuất từ cao su tự nhiên, sử dụng trong thăm khám.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt nhẵn trơn, nhám lòng bàn tay. - Chiều dài tối thiểu 240mm, chiều rộng: XS: $70\pm 10\text{mm}$; S: $80\pm 10\text{mm}$; M: $95\pm 10\text{mm}$; L: $111\pm 10\text{mm}$. - Độ dày đầu ngón tay $\geq 0.08\text{mm}$; Lòng bàn tay, cổ tay $\geq 0.08\text{mm}$. - Độ dai trước khi dùng $\geq 18\text{MPa}$; độ dai sau khi dùng $\geq 14\text{MPa}$. - Độ dẫn (trước già hóa $\geq 650\%$, sau già hóa $\geq 500\%$). - Lượng bột $\leq 2,0\text{mg}/\text{dm}^2$. Lượng Protein $\leq 200\text{ mg}/\text{dm}^2$. - Quy cách: 50đôi/ hộp; đóng gói 10 hộp/Thùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. - Hạn dùng: 5 năm kể từ ngày sản xuất 	Đôi	5.000	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd	
32	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	<p>Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật. Mũ cao su tự nhiên, nhám lòng bàn tay và ngón tay, phân biệt tay trái/phải, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói.</p> <p>Chiều dài $280\text{mm}\pm 5\text{mm}$, Màu sắc: Trắng, kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, Chiều dài: Tối thiểu 270mm. Chiều rộng (mm): 6.5: $83\pm 6\text{mm}$, 7.0: $89\pm 6\text{mm}$, 7.5: $95\pm 6\text{mm}$. 8.0: $102\pm 6\text{mm}$. Lực kéo đứt trước lão hóa/Sau lão hóa: Tối thiểu 26MPa/20Mpa. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016</p>	Đôi	10.000	Tân Xuân Tâm, Việt Nam	
33	Túi máu đơn 250ml	Túi đựng máu y tế đã tiệt trùng, đóng gói mỗi túi 01 cái, kích cỡ: 250ml	Túi	100	Terumo; Nhật Bản	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
34	Túi máu đơn 350ml	Túi đựng máu y tế đã tiệt trùng, đóng gói mỗi túi 01 cái, kích cỡ: 350ml	Túi	30	Terumo; Nhật Bản	
35	Túi đựng nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 	Cái	1.500	MPV - Việt Nam	
36	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE</p>	Ống	20.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
37	Ống nghiệm chống đông Na Citrate chân không	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE</p>	Ống	5.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
38	Ống nghiệm chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na_+ , K_+ , Cl_+ ... trừ Li_+), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH_3 và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	20.000	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
39	Ống nghiệm tách huyết thanh serum	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu.	Ống	2.000	Công ty Cổ phần đầu tư y tế An Phú; Việt Nam	
40	Ống eppendorf	Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh Dung tích: 1,5ml Vạch ghi rộng, dễ ghi code mẫu khi phân tích. Có vạch chia rõ ràng, dễ nhận biết thể tích Thể tích thực từ 1.7-2ml. Đặc trưng: Có nắp liền, đáy nhọn Có khả năng chịu tốc độ, lực ly tâm cao lên đến 16.000 RPM Đáp ứng tốt ở nhiệt độ thấp [(-196) - 120 độ C (đun sôi được)] và tương thích hầu hết các dung môi hữu cơ	Cái	2.000	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
41	Ống nghiệm có nắp	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, là loại nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Là loại ống nghiệm đáy tròn, có nắp, không nhãn. Kích thước: 12×75mm Dung tích: 5ml Trạng thái ổn định ở nhiệt độ từ 4 đến 60 độ C. Không chứa chất chống đông Có thể chịu được lực ly tâm ở mức 1400 rcf.	Cái	5.000	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
42	Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhãn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13485: 2012	Cái	500	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.; Trung Quốc	
43	Ống đặt nội khí quản không bóng các cỡ	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhãn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2003/NS-EN ISO 13485: 2012	Cái	50	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.; Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
44	Sonde cho ăn dành cho nhi	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 03 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoản lần lượt là 20cm, 30cm, 40cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	300	HOÀNG SƠN; Việt Nam	
45	Sonde cho ăn các cỡ	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 1.250 mm. Một đầu dây được gắn phễu có nắp đậy, đầu còn lại được bo tròn. Có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây. Trên dây có 04 vạch đánh dấu cách đầu bo một khoản lần lượt là 45cm, 55cm, 65cm, 75cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO	Cái	500	HOÀNG SƠN; Việt Nam	
46	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với nhau bằng hệ thống dây dẫn kín	Bộ	150	Công ty CP Thương mại & Xây dựng Topcons/ Việt Nam	
47	Sonde dạ dày các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	500	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
48	Sonde dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Ống dẫn lưu được làm từ nguyên liệu PVC, mềm, dẻo, có tính đàn hồi cao. Màu trắng tự nhiên. Kích thước: 5ID x 7OD hoặc 7ID x 10OD. Tiệt trùng EO.	Cái	150	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
49	Sonde hút nhót các cỡ không van	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	1.500	HOÀNG SƠN; Việt Nam	
50	Dây thở oxy 2 nhánh các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. 	Cái	1.400	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
51	Catherter 2 nòng thận	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ 12FR dài 15-20 cm - Chất liệu Polyurethane - Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18G - Bơm tiêm 5cc - Que nong 2 cái: 10Fr , 12 Fr - Dao mổ # 11 - Nắp ống tiêm: 2 cái 	Bộ	20	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd.; Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
52	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone.	Sợi	100	Unilene/ Peru	
53	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 3/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone.	Sợi	800	Unilene/ Peru	
54	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 4/0	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	100	SMI AG-Bỉ	
55	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamid 6 số 5/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim bằng thép 300, kim phủ silicone.	Sợi	50	Unilene/ Peru	
56	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 2/0	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	100	SMI AG-Bỉ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
57	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 3/0	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh.	Sợi	300	SMI AG-Bỉ	
58	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 3/0	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Chỉ được cấu tạo từ muối Chrom và collagen tinh chế được lấy từ màng thanh dịch của bò. Chỉ sẽ mất sức căng không 50% sau 14 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 90 ngày.	Sợi	200	SMI AG-Bỉ	
59	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 1 dài 90cm	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 36mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày.	Sợi	300	SMI AG-Bỉ	
60	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 48mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày.	Sợi	700	SMI AG-Bỉ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
61	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 3/0 dài 75cm	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày.	Sợi	50	SMI AG-Bỉ	
62	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày.	Sợi	600	SMI AG-Bỉ	
63	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic acid số 2/0 dài 90cm	Số 2/0 thân kim tròn đầu tam giác 1/2C, kim 36mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dùng Polyglycolic axit. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polycaprolactone và calcium stearate(1%). Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 7 ngày cấy ghép, và tự tiêu trong vòng 42 ngày.	Sợi	250	SMI AG-Bỉ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
64	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày.	Sợi	450	SMI AG-Bỉ	
65	Chỉ thép, dây thép dùng trong phẫu thuật	Chỉ thép khâu xương ức số 5, dài ≥ 45 cm thành phần thép không gỉ, 1 kim tròn, đầu tam giác, dài kim 48mm \pm 10%, cong 1/2 vòng tròn. (1 tép ≥ 4 sợi)	Cuộn, sợi, tép	4	SMI AG-Bỉ	
66	Lưỡi dao mổ vô trùng các cỡ	Lưỡi dao mổ vô trùng, được làm từ carbon và thép không gỉ, phù hợp với nhiều loại cán dao mổ. Kích thước 10, 11, 12, 15, 20,21, 22, 23.	Cái	1.300	Huaian Helen Medical Instrument, Trung Quốc	
67	Phim khô y tế DI-HT cỡ 25x30 cm dùng cho máy in phim khô Fujifilm	Phim nhiệt khô cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim nhiệt , hộp 100 tờ sử dụng công nghệ ECO Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.		20.000	FUJIFILM SHIZUOKA; Nhật Bản	
68	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế (35x43cm)	Kích cỡ: 35X43cm . Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim khô Drypix series. Sử dụng công nghệ ECO Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.		6.000	FUJIFILM SHIZUOKA; Nhật Bản	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
69	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ	Xông thông tiêu 2 nhánh, 100% mủ cao su tự nhiên, tráng silicone giảm kích ứng, tốt cho bệnh nhân dị ứng mủ cao su, không có chất DEHP, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Bóng silicone với độ đàn hồi phục hồi hoàn hảo sau khi xì hơi, ít chấn thương và tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân Bề mặt nhẵn, trơn láng, tròn đều và mềm mại. Đầu thon mịn, kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm cho phép chèn không tổn thương để giảm kích thích bàng quang, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt.	Cái	700	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
70	Sonde Foley 3 nhánh các số	Xông thông tiêu 3 nhánh, 100% mủ cao su tự nhiên, tráng silicone giảm kích ứng, tốt cho bệnh nhân dị ứng mủ cao su, không có chất DEHP, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Bóng silicone với độ đàn hồi phục hồi hoàn hảo sau khi xì hơi, ít chấn thương và tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân Bề mặt nhẵn, trơn láng, tròn đều và mềm mại. Đầu thon mịn, kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm cho phép chèn không tổn thương để giảm kích thích bàng quang, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt. Dây thông tiêu 3 nhánh các cỡ dài 400mm, chiều dài phễu: 40mm.	Cái	50	Công ty Cổ phần Đất Việt Thành/ Việt Nam	
71	Sonde Nelaton các số	Ống thông tiêu 1 nhánh. Ống thông tiêu được làm từ cao su thiên nhiên độ cong thích hợp và bề mặt ống phủ silicone trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ nứt vỡ gãy. Các cỡ: 6FR, 8FR, 10FR, 12FR, 14FR, 16FR, 18FR, 20FR Đóng gói và tiệt trùng bằng khí EO riêng cho từng sản phẩm (1 cái/ túi). Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	800	GUANGDONG ECAN MEDICAL CO., LTD., Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
72	Nẹp khóa mắt xích thẳng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, Chiều dày nẹp 2.8 mm, chiều rộng 10 mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm, từ 5 lỗ đến 22 lỗ, tương ứng chiều dài nẹp từ 58mm- 262mm. Dùng vít khóa 3.5mm, Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	20	Dimeda/Đức	
73	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.0 các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, độ dày 3.0mm, chiều rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm, từ 4 lỗ đến 12 lỗ tương ứng chiều dài từ 59mm đến 163mm. Dùng vít khóa 3.5mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	10	Dimeda/Đức	
74	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, độ dày 3.0mm, chiều rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm, từ 4 lỗ đến 12 lỗ tương ứng chiều dài từ 59mm đến 163mm. Dùng vít khóa 3.5mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	20	Dimeda/Đức	
75	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, có 3 lỗ đầu 3/ 5/ 7/ 9/14 lỗ thân. Dày 2.5mm, rộng 11.4mm. Dài từ 59mm - 201mm Sử dụng vít khóa 2.7/3.5mm tự taro và vít xương cứng 2.7/3.5mm tự taro. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimeda/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
76	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại, Chất liệu Titanium	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 12mm, đầu nẹp rộng 20 mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm, 5 lỗ tương ứng chiều dài. Chất liệu hợp kim titanium. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimedra/Đức	
77	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ, Chất liệu Titanium	Vật liệu Titanium. Phân biệt trái, phải. Thân nẹp cong theo giải phẫu xương đòn chữ S. Độ dày 3,6 mm, độ rộng 10 mm. Nẹp có từ 6 đến 12 lỗ, chiều dài từ 69mm đến 148mm. Sử dụng vít khóa đk 3,5. Tiêu chuẩn ISO 13485; DIN EN ISO 5832-3;EC; FDA. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimedra/Đức	
78	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên, Chất liệu Titanium	Vật liệu Titanium. Phân biệt trái, phải. Thân nẹp cong theo giải phẫu xương đòn chữ S. Độ dày 3,6 mm, độ rộng 10 mm. Nẹp có từ 6 đến 12 lỗ, chiều dài từ 69mm đến 148mm. Sử dụng vít khóa đk 3,5. Tiêu chuẩn ISO 13485; DIN EN ISO 5832-3;EC; FDA.. Xuất xứ G7	Cái	15	Dimedra/Đức	
79	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, độ dày 5.2mm, chiều rộng 17.5mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm, từ 8 lỗ đến 16 lỗ tương ứng chiều dài từ 152mm đến 306mm. Dùng vít khóa 5.0mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	15	Dimedra/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
80	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, độ dày 4.3mm, chiều rộng 13.5mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm, từ 5 lỗ đến 14 lỗ tương ứng chiều dài từ 98mm đến 260mm. Dùng vít khóa 5.0mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích.. Xuất xứ G7	Cái	15	Dimeda/Đức	
81	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ, Chất liệu Titanium	Nẹp dày 5.6 mm, nẹp rộng 16.0mm, đk lỗ nẹp 5.10mm, độ rộng đầu nẹp 32mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 20mm, từ 5 lỗ đến 13 lỗ trái/phải tương ứng chiều dài từ 159mm đến 319mm. Chất liệu hợp kim titanium. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimeda/Đức	
82	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt Trong/ngoài, Chất liệu Titanium	Nẹp dày 3.7mm, nẹp rộng 15mm, độ rộng đầu nẹp 25mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 15 mm, từ 5 đến 8 lỗ trái/phải tương ứng chiều dài từ 121mm đến 166mm. Chất liệu hợp kim titanium. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Xuất xứ G7		5	Dimeda/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
83	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ, Chất liệu Titanium	Vật liệu Titanium. Phân biệt trái, phải. Nẹp có 3 đến 11 lỗ, chiều dài từ 140 đến 300mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 20 mm. Độ dày 5,5 mm, độ rộng 18 mm. Sử dụng vít khóa đk 5,0. Tiêu chuẩn ISO 13485; DIN EN ISO 5832-3;EC; FDA.. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimedra/Đức	
84	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong/ Ngoài, Chất liệu Titanium	Nẹp dày 4.0mm, nẹp rộng 12mm, đường kính đầu nẹp 23mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm, từ 4 lỗ đến 14 lỗ trái/phải tương ứng chiều dài từ 117mm đến 252mm. Nẹp mặt ngoài độ dày 4.0 rộng 13mm, có từ 5 lỗ đến 21 lỗ trái/phải tương ứng chiều dài từ 80mm đến 288mm. Sử dụng vít khóa 2.7/3.5/4.0mm. Chất liệu hợp kim titanium. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Xuất xứ G7	Cái	5	Dimedra/Đức	
85	Vít khóa đường kính 3.5mm , Chất liệu Titanium	Vật liệu Titanium. Ren toàn phần. Mũi vít tự ren ta-ro. Đầu vặn vít hình 6 cánh. Đầu vít có ren khoá, cánh ren nghiêng véc 5° hoặc 7°, đồng trục và khớp khít với lỗ khoá trên nẹp khoá cùng hãng. Đối với loại vít khoá đk 2,7: Đường kính mũi vít là 6,0mm. Đường kính thân ren vít 3,5mm. Đường kính lõi vít 2,9mm. Khoảng cách giữa các cánh ren vít là 0,8mm. Chiều dài vít từ 10 đến 70mm. Tiêu chuẩn EC93/42/EEC TUV-SUD G1 046082 ; ISO13485:2016; FDA. Xuất xứ G7	Cái	300	Dimedra/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
86	Vít khóa đường kính 5.0mm , Chất liệu Titanium	Vật liệu Titanium. Ren toàn phần. Mũi vít tự ren ta-ro. Đầu vặn vít hình 6 cánh. Đầu vít có ren khoá, cánh ren nghiêng vênh 5° hoặc 7°, đồng trục và khớp khít với lỗ khoá trên nẹp khoá cùng hãng. Đối với loại vít khoá đk 5,0: Đường kính mũ vít là 8,0mm. Đường kính thân ren vít 5,0mm. Đường kính lõi vít 4,3mm. Khoảng cách giữa các cánh ren vít là 1,0mm. Tiêu chuẩn EC93/42/EEC TUV-SUD G1 046082 ; ISO13485:2016; FDA. Xuất xứ G7	Cái	270	Dimeda/Đức	
87	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Đường kính 1.2mm, 1.4mm, 1.5mm, 1.6mm, 1.8mm, 2.0mm, 2.2mm, 2.4mm, 2.5mm, 3.0mm, dài 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ. Xuất xứ G7	Cái	50	AF Medical GmbH	
88	Đinh Schanz các cỡ	Đường kính 4.0mm đến 5.0mm, dài 200mm, Đinh 1 đầu có ren , đoạn ren dài 30mm. Chất liệu thép y tế không gỉ	Cái	50	Orthon Innovations , Pakistan	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
89	Ống sáo	Thông số kỹ thuật: -Thép không rỉ; - Bộ gồm 2 thanh hình ống sáo, lỗ tròn dọc thân ống. - 4 đinh Schanz/IOS	Cái	10	Orthon Innovations , Pakistan	
90	Nẹp mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 6 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; dày 1mm, rộng 5mm, dài 26mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích.. Xuất xứ G7	Cái	7	Dimedda/Đức	
91	Nẹp Cong mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 6lỗ, cong, làm vít 2.0. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. Xuất xứ G7	Cái	7	Dimedda/Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
92	Nẹp góc hàm chữ V 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3, dài 40mm, có khoảng cách bắc cầu 5 mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp; FDA. Có trợ cụ tương thích. . Xuất xứ G7	Cái	7	Dimedra/Đức	
93	Vít hàm titan 2.3 các cỡ	Vít 2.3 mm; chất liệu titanium; đường kính mũ vít 3.6 mm; đường kính thân vít 2.3 mm, dài 5,7,9,11,13 mm, đầu vít tự taro, mũ vít hình 4 cạnh. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 do TÜV SÜD cấp ; EC: 93/42/EEC do TÜV SÜD cấp, FDA. Có trợ cụ tương thích.. Xuất xứ G7	Cái	100	Dimedra/Đức	
94	Bao camera	Thành phần gồm: - Ống nylon kích thước fi 18cm, dài 230cm, có dây buộc 2 ly - Ống nylon kích thước 9cm x 14cm, có dây buộc 2 ly Không dính bụi bẩn, tạp chất, không rách, thủng. Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn. Sản phẩm được tiệt trùng bằng EO, đóng gói trong bao bì giấy tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Gói	500	Damedco; Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
95	Đầu côn vàng	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tít trơn (không khóa) hoặc đầu tít sần (có khóa). Không vô trùng, không kim loại, không DNase, RNase. - Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml) - ISO 13485 - Quy cách: túi 1000 chiếc	Cái	10.000	Nantong Renon Laboratory Equipment co.,ltd / Trung Quốc	
96	Đầu côn xanh	Làm bằng nhựa PP, không có màng lọc, đầu tít trơn (không khóa) hoặc đầu tít sần (có khóa). Không vô trùng, không kim loại, không DNase, RNase. - Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml) - ISO 13485 - Quy cách: túi 1000 chiếc	Cái	1.000	Nantong Renon Laboratory Equipment co.,ltd / Trung Quốc	
97	Điện cực tim	KT: 32 x 41mm Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Hàng sử dụng 1 lần, đã tiệt trùng Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	500	Leonhard lang GmbH - Áo	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
98	Mặt nạ xông khí dung các cỡ	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn. Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung. Có cốc đựng thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài khoảng 2m. Mặt nạ có dây đeo. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20	Zhejiang Medicines & Health Products I/E CO., LTD. (ZMC).; Trung Quốc	
99	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lồng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485. 	Cái	200	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)	
100	Bóng đèn hồng ngoại	<p>Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sưởi ấm tức thì cho người sử dụng. • Giảm đau nhức giúp tuần hoàn máu và nhanh lành vết thương. 	Cái	5	Thành Nhân T.N.E ;Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
101	Bóng đèn cực tím	Chiều dài bóng 60-120cm. Bóng dùng để lắp vào đèn cực tím treo tường, dùng khử trùng không khí và vi khuẩn trong phòng mổ, phòng hậu phẫu	Cái	5	Thành Nhân T.N.E ;Việt Nam	
102	Băng chỉ thị hấp ướ	Kích thước: 18mm x 55m. Vạch chỉ thị sẽ chuyển màu sau khi qua tiệt khuẩn. Không chứa chì. Dùng cố định gói dụng cụ hấp. Chỉ dùng cho máy hấp ướ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Cuộn	10	3M, Canada;	
103	Giấy in nhiệt	Dạng cuộn, kích thước rộng 5.7cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tệp	15	Hải Anh, Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
104	Giấy điện tim 6 cần	Dạng tập Kích thước 110mm * 140mm, có dòng kẻ. Tập 143 tờ Tương thích với máy điện tim hãng Nihon Kodan, Fukuda. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tập	100	Tele- Paper (M) Sdn. Bhd; Malaysia	
105	Giấy in máy nước tiểu	Dùng cho máy in nhiệt nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Tập	100	Hải Anh, Việt Nam	
106	Giấy in Monitor sản khoa	Kích thước 152 x 90 x 150 mm	Tập	50	Tianjin Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
107	Giấy in siêu âm	Giấy in đen trắng. Kích thước: 110 mm x 20 m. Độ nhạy và tương phản phù hợp với máy in. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Xuất xứ: Nhật Bản	Cuộn	100	Sony Corporation, Nhật Bản	
108	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang 4 lớp bao gồm: Lớp ngoài và các lớp trong cùng: làm từ vải không dệt PP (Polypropylene) chống thấm hút . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	5.000	Lộc Luyến; Việt Nam	
109	Mũ giấy đã tiệt trùng	- Sản phẩm làm từ vải không dệt Polypropylen, có thiết kế lỗ nhỏ thoáng khí, đảm bảo sự thông thoáng. Sản phẩm được thiết kế có vành chun co giãn tốt, phù hợp kích cỡ đầu khác nhau - Quy cách: 1 chiếc/túi - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, 13485	Cái	5.000	Damedco, Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
110	Lam kính nhám	<p>Chất liệu thủy tinh trung tính, trong suốt, không mốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm <p>Loại nhám. Hộp 72 cái Đóng gói trong túi PE hút chân không.</p>	Cái	1.000	Jiangsu Benoy Lab Instrument Co., Ltd, Trung Quốc	
111	Lamen	<p>Mô tả: Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm. Đóng gói 100 miếng/ hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Miếng	500	Paul Marienfeld GmbH & Co. KG, Đức	
112	Túi sắc thuốc đông y	<p>Mặt trước có chữ thuốc sắc đóng túi, mặt sau có ghi hướng dẫn sử dụng, ngôn ngữ Tiếng Việt. Kích thước: 400m x 10cm (DxR). Đóng túi loại: 180ml/túi. Chất liệu: PET/PE chịu nhiệt, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tiện lợi khi sử dụng, bảo quản.</p>	Cuộn	10	Beijing Donghuayuan Medical Equipment Co., Ltd Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
113	Gel bôi trơn	Không gây kích ứng da. Hòa tan trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn, không độc hại và không có mùi. Được sử dụng trong nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng. Tuýp 82 g.	Tuýp	50	Turkuaz Medikal/ Thổ Nhĩ Kỳ	
114	Cốc đờm	Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa PVC. Sử dụng: đựng đờm, nước tiểu của bệnh nhân	Cái	2.000	Đất Việt Thành; Việt Nam	
115	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, đảm bảo độ trơn láng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.000	TANAPHAR; Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
116	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 4 x 250 mL + Std: 1x2mL; dải đo: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	14	Elitech/Pháp	
117	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	28	Elitech/Pháp	
118	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; quy cách: 6 x 50 ml; dải đo: 20-1500 U/L Thành phần gồm: - Good's buffer, pH 6.15 - CNP-G ₃ : 2,27 mmol/L - Sodium azide: <0,1% khối lượng/khối lượng - Cũng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu	Hộp	6	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
119	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; dải đo: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	28	Elitech/Pháp	
120	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x100mL + R2: 1x25mL; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	4	Elitech/Pháp	
121	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; dải đo: 0.25-25 mg/dL Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
122	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Canxi	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x5mL; dải đo: huyết thanh/huyết tương 5-15 mg/dL, nước tiểu 1.5-18 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Good's buffer, pH 6.5 -Arsenazo III: 200 µmol/L Chất chuẩn: Std -Calcium: 10 mg/dL	Hộp	4	Elitech/Pháp	
123	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R 6 x 100 ml + std: 1x5 ml; dải đo: 20 - 600 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrine (4-AAP): 0.5 mmol/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa surfactants (chất hoạt động bề mặt) và magnesium salts (muối magie) cho hiệu suất tối ưu. Chất chuẩn: Std - Cholesterol: 200mg/dL	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
124	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK NAC	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 10-1714 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 6.10 - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2.5 mmol/L - Hexokinase: ≥ 6800U/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng <p>Hoá chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 8.9 - Creatine phosphate: 250 mmol/L - ADP : 15.2 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng <p>Cũng chứa các muối magie, N-Acetyl-L-Cysteine, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu</p>	Hộp	4	Elitech/Pháp	
125	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 10-600 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 6.1 - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2,5 mmol/L - Hexokinase : ≥ 6800 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng <p>Nồng độ kháng thể Anti-CK-M có trong R1 đủ để ức chế 2000 U/L CK-M ở 37°C</p> <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Imidazole buffer, pH 8.9 (20°C) - Creatinine phosphate: 250 mmol/L 	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - ADP: 15,2 mmol/L - Diadenosine pentaphosphate: 103 mmol/L - G-6-PDH: \geq 8800 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Cũng chứa các muối magie, N-acetyl-L-cystein, EDTA, Diadenosine pentaphosphate và AMP cho hiệu suất tối ưu				
126	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CK-MB	Hoá chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB; quy cách: 4 x 3 mL/hộp Thành phần: Sản phẩm đông khô được chuẩn bị từ huyết thanh người và CK-MB người Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	3	Elitech/Pháp	
127	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; dải đo: 0.5-15 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 <ul style="list-style-type: none"> - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 <ul style="list-style-type: none"> - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Disodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std <ul style="list-style-type: none"> - Creatinine: 2 mg/dL 	Hộp	28	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
128	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 4x50ml + R2: 2x26ml; dải đo: 15-1200 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Glycylglycine, pH 7,70 (37°C): 138 mmol/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 - GLUPA-C: 23 mmol/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	3	Elitech/Pháp	
129	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 6 x 100 ml + Std: 1x5 ml; dải đo: 20-400 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL	Hộp	16	Elitech/Pháp	
130	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x90ml + R2: 1x60ml; dải đo: 5 - 200 mg/dL Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 8000 U/L -Cũng chứa các hợp chất phot pho vô cơ và hữu cơ Hoá chất 2: R2	Hộp	3	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		-Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 180 U/L -Peroxidase: ≥ 15000 U/L -4-aminoantipyrine: ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.6 % -Sodium azide: < 0.1 % Cũng chứa ascorbate oxidase cho hiệu suất tối ưu				
131	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: R1: 4x21ml + R2: 2x14ml; dải đo: 15 - 600 mg/dL Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 5000 U/L -Các hợp chất phốt pho vô cơ và hữu cơ -Surfactant: 1% Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 2000 U/L -Peroxidase: ≥ 20000 U/L -4-aminoantipyrine (4-AA): ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.025 % -Sodium azide: < 0.1 % Cũng chứa ascorbate oxidase để có hiệu suất tối ưu	Hộp	3	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
132	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol, LDL Cholesterol	Hoá chất hiệu chuẩn HDL và LDL Cholesterol; Quy cách: 4 x 1mL/hộp Thành phần: Huyết thanh người đông khô	Hộp	3	Elitech/Pháp	
133	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Sắt	Hóa chất định lượng sắt huyết thanh trên máy sinh hoá. Phương pháp đo màu Ferene - đo điểm cuối; quy cách: R1 2x100mL, R2 1x50ml, Std: 1x5ml; Dải đo: 20-1000µg/dL Thành phần: Hóa chất R1: - Acetate buffer (pH 4.5): 1 mol/L Hóa chất R2: - Ferene: 3 mmol/L - Ascorbic acid: 240 mmol/L Cũng chứa thiourea có hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Iron (Sắt) 100 µg/dL	Hộp	3	Elitech/Pháp	
134	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDH	Hóa chất xét nghiệm định lượng Lactate dehydrogenase (LDH) trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; dải đo: 50-800 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -N-Methyl-D-Glucamine pH 9.4 -Lithium L-lactate: 68 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NAD: 50 mmol/L	Hộp	3	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
135	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Haptoglobin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Haptoglobin (Hp) trên máy hóa sinh. Quy cách: R1: 2 x 25 mL + R2: 1 x 5 mL Dải đo: 2 - 400 mg/dL Hóa chất R1: 2 x 25 mL - Phosphate Buffer: pH 7.43 - Polyethylene glycol: 60 g/L - Sodium azide: < 0.1 % Hóa chất R2: 1 x 5 mL - Phosphate buffer pH 7.43 - Kháng thể haptoglobin đa dòng kháng người - Sodium azide: < 0.1 %	Hộp	4	Elitech/Pháp	
136	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Prealbumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng prealbumin trên các mẫu huyết thanh người trên máy phân tích hóa sinh Quy cách: R1 : 2 x 25 mL + R2 : 1 x 5 mL Dải đo: 5.0-80.0 mg/dL Hóa chất R1: - Buffer, pH 7.43 - Accelerator - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/khối lượng) Hóa chất R2: - Buffer, pH 7.43 - Polyclonal anti-human Prealbumin antibody (dê) - Sodium azide < 0.1 %	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
137	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2x125mL + Std: 1x5mL; Dải đo: 0.2-12 g/dL Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1%	Hộp	10	Elitech/Pháp	
138	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL *Quy cách: R 4x250mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magie, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng)	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
139	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL , nước tiểu 200-6000 mg/dL Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 -Alpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL	Hộp	16	Elitech/Pháp	
140	Bộ thuốc thử, chất chuẩn xét nghiệm định lượng Acid uric	*Dung dịch rửa tăng cường máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 1 lít/hộp *Thành phần: Acidic solution	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
141	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP) trên máy xét nghiệm sinh hóa</p> <p>*Dải đo 5-190 mg/L</p> <p>*Quy cách: R1: 2x25ml + R2: 1x5ml</p> <p>*Thành phần:</p> <p>Hóa chất R1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buffer: pH 7.43 - Accelerator - Sodium Azide: < 0.1% (khối lượng/ khối lượng) <p>Hóa chất R2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buffer: pH 7.43 - Kháng thể đa dòng kháng CRP (dê) - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) 	Hộp	18	Elitech/Pháp	
142	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ASLO	<p>Hóa chất sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong xét nghiệm định lượng Anti- Streptolysin O trên máy sinh hóa; quy cách: R1 2x25 mL + R2 1x6 mL + Cal 1x1 mL; Dải đo: 20 - 1000 IU/mL.</p> <p>Thành phần gồm:</p> <p>Hóa chất 1: R1 +Buffer, pH 8.2 +Proclin 950 0.1% (khối lượng/ khối lượng).</p> <p>Hóa chất 2: R2 +Các hạt latex được phủ bằng streptolysin O tái tổ hợp, pH 8.2 +Proclin 950 0.1% (khối lượng/ khối lượng). Calibrator: Cal +Chất hiệu chuẩn đông khô được điều chế từ huyết thanh người</p>	Hộp	5	Elitech/Pháp	
143	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP).</p> <p>*Quy cách: 5 x 1ml</p> <p>*Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. 	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
144	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP).</p> <p>*Quy cách: 2x1ml</p> <p>*Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. 	Hộp	4	Elitech/Pháp	
145	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP).</p> <p>*Quy cách: 2x1ml</p> <p>*Thành phần: Dạng lỏng, từ huyết tương người chứa CRP người tái tổ hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium Azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) - Nồng độ protein phản ứng C (CRP) cụ thể cho từng lô. 	Hộp	4	Elitech/Pháp	
146	Thuốc thử xét nghiệm định lượng RF	<p>* Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng các yếu tố dạng thấp (Rheumatoid Factors) dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa;</p> <p>* Quy cách: R1 2x20mL + R2 2x5 mL.</p> <p>Dải đo: 10-140 IU/mL</p> <p>Hóa chất gồm có:</p> <p>Hóa chất 1: R1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tris buffer, pH 8.2: 20 mmol/L - ProClin 950: 0.1% <p>Hóa chất 2: R2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạt latex bọc với gammaglobulin người, pH 7.4 - ProClin 950: 0.1% 	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
147	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các yếu tố dạng thấp (Rheumatoid Factors) trong mẫu huyết thanh người dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa; * Quy cách: 2x2mL * Thành phần: - Sản phẩm đông khô từ huyết thanh người - Nồng độ các yếu tố dạng thấp cụ thể cho từng lô.	Hộp	2	Elitech/Pháp	
148	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy xét nghiệm sinh hóa. *Quy cách: R1: 2x20 mL + R2: 2x5 mL *Dải đo: 10-600 ng/mL *Thành phần hóa chất: Hóa chất R1: - Buffer, pH 8.2 - ProClin 950: 0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất R2 - Các hạt latex được bọc bởi kháng thể kháng ferritin người - ProClin 950: 0.1% (khối lượng/ khối lượng) - pH 8.2	Hộp	4	Elitech/Pháp	
149	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy xét nghiệm sinh hóa. *Quy cách: 2x3 mL *Thành phần: - Sản phẩm đông khô từ huyết thanh người và chứa ferritin người - Nồng độ Ferritin cụ thể theo lô	Hộp	2	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
150	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholinesterase	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholinesterase trên các mẫu huyết thanh và huyết tương người trên máy phân tích sinh hóa Quy cách: R1 : 2 x 8 mL + R2 : 1 x 5 mL Dải đo: 300-20 000 U/L Hóa chất R1: - Pyrophosphate buffer, pH 7.65 (20°C): 95 mmol/L - Potassium hexacyanoferrate: 2.54 mmol/L Hóa chất R2: - Butyrylthiocholine: 38 mmol/L	Hộp	4	Elitech/Pháp	
151	Thuốc thử xét nghiệm định lượng IgA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng các Immunoglobulin A (IgA) trong mẫu huyết thanh người *Dải đo 2-650 mg/dL *Quy cách: R1: 2x25mL + R2: 1x 5mL *Thành phần: Hóa chất R1: - Sodium Chloride - Accelerator - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất R2: - Buffer pH 7.43 - Kháng thể đa dòng từ dê kháng IgA người - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	Hộp	4	Elitech/Pháp	
152	Thuốc thử xét nghiệm định lượng IgG	*Hóa chất xét nghiệm định lượng các Immunoglobulin G (IgG) trong huyết thanh người. *Dải đo: 100-2600 mg/dL *Quy cách: R1: 2x25mL + R2: 1x 5mL *Thành phần: Hóa chất R1: - Sodium Chloride - Accelerator - Sodium azide <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		Hóa chất R2: - Buffer 7.43 - Kháng thể đa dòng từ dê kháng IgG người. - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)				
153	Thuốc thử xét nghiệm định lượng IgM	*Hóa chất xét nghiệm định lượng các Immunoglobulin M (IgM) trong huyết thanh người. *Dải tuyến tính 10-450 mg/dL *Quy cách: R1: 2x25ml + R2: 1x 5ml *Thành phần: Hóa chất R1: - Sodium Chloride - Accelerator - Sodium azide <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất R2: - Buffer 7.43 - Kháng thể đa dòng từ dê kháng IgM người. - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng)	Hộp	4	Elitech/Pháp	
154	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	4	Elitech/Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
155	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	<p>Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bất thường cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm;</p> <p>Quy cách: 10 x 5 ml/hộp</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô. 	Hộp	4	Elitech/Pháp	
156	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	<p>Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh.</p> <p>Quy cách: SOL : 1 x 1 L</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt. 	Chai	15	Elitech/Pháp	
157	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	<p>*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động</p> <p>* Quy cách: 2 lít/can</p> <p>*Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.</p>	Can	13	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
158	Cuvet nhựa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cuvet phản ứng bằng nhựa dùng nhiều lần cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	200	Mindray/ Trung Quốc	
159	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	5	Mindray/ Trung Quốc	
160	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Quy cách: 10 lít	Thùng	10	SFRI SAS. Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
161	IVD rửa dùng cho máy huyết học	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Quy cách: 1 lít	Chai	10	SFRI SAS. Pháp	
162	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Potassium cyanide < 0,05 % Quy cách: 1 lít	Chai	6	SFRI SAS. Pháp	
163	IVD rửa dùng cho máy huyết học	Dung dịch rửa đậm đặc, dùng trong các trường hợp đặc biệt. Sodium hypochlorite < 4.0% vừa đủ 500ml Quy cách: 0.5 lít	Lọ	12	SFRI SAS. Pháp	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
164	Chất chuẩn xét nghiệm huyết học	Dùng cho kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu Đóng gói lọ 3ml	Lọ	1	SFRI SAS. Pháp	
165	IVD pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia đo các thông số liên quan đến RBC, PLT, WBC, RET và NRBC, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 20L x 1 *Thành phần: Borate Buffert: $\leq 0.5\%$ Sodium Chloride: $\leq 0.1\%$	Thùng	60	Mindray/ Trung Quốc	
166	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6FD DYE dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 1Lx4 *Thành phần: Surfactant: $\leq 0.5\%$ Hepes Buffer: $\leq 0.5\%$	Thùng	13	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
167	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6LD LYSE dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 12mL×4. *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Hộp	15	Mindray/ Trung Quốc	
168	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia vào việc đo các thông số liên quan đến hemoglobin, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Surfactant: ≤ 0.5% Borate Buffer: ≤ 0.5%	Hộp	6	Mindray/ Trung Quốc	
169	IVD ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6FN DYE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Citrate Buffer: ≤ 0.5% Sodium Chloride: 0.10% Surfactant: 0.10%	Hộp	13	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
170	IVD nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6LN LYSE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC Quy cách: 12mL×4 *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Hộp	15	Mindray/ Trung Quốc	
171	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch rửa máy dùng cho các máy xét nghiệm huyết học Mindray Quy cách: 50ml x 1 Thành phần gồm: - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous : ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5%	Hộp	43	Mindray/ Trung Quốc	
172	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	dung dịch hiệu chuẩn, dùng để xây dựng các đường hiệu chuẩn cho việc định lượng các thành phần huyết học, dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động; Quy cách: 3ml *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch mô phỏng huyết tương người.	Lọ	8	Mindray/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
173	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đếm tế bào máu *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương.	Lọ	24	Mindray/ Trung Quốc	
174	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time	Hóa chất dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ , Sodium azide < 0,01%	Hộp	25	Human/ Đức	
175	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl ₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định.	Hộp	8	Human/ Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
176	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen tự động	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%.	Hộp	22	Human/ Đức	
177	Thuốc thử xét nghiệm Thrombin Time	Hóa chất xét nghiệm Thrombin Time (TT) là một xét nghiệm để sử dụng trên các thiết bị phân tích đông máu bằng phương pháp thủ công hoặc tự động hoàn toàn. Thành phần: hóa chất thrombin dạng đông khô (3x3ml) Thrombin người 8 - 10 IU/ml, đệm, sodium azide < 0,01%.	Hộp	2	Human/ Đức	
178	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer	là một xét nghiệm dùng để xác định định lượng D-dimer trong huyết tương chống đông bằng citrate. Thành phần gồm có: - Hóa chất D-Dimer latex (sẵn sàng sử dụng) 2x1ml. Thành phần: Các hạt polystyrene phủ kháng thể đơn dòng (chuột), đệm HEPES 10 mmol/l, albumin huyết thanh bò, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%. - Đệm phản ứng (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%. - Calibrator (dạng đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người chứa D-dimer, đệm HEPES 33 mmol/l. - Diluent (sẵn sàng sử dụng) 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide < 0,1%.	Hộp	4	Human/ Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		Độ ổn định: Hoá chất, đệm, diluent ổn định trong 2 tuần ở 8-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C sau khi mở lọ. Chất chuẩn đã hoàn nguyên ổn định trong 12 giờ ở 4-25°C.				
179	Hóa chất kiểm chuẩn dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	Hộp	4	Human/ Đức	
180	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	Hộp	4	Human/ Đức	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
181	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm soát hiệu suất của xét nghiệm định lượng D-Dimer HEMOSTAT D-DIMER. Thành phần: - D-Dimer control plasma, dương cao: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng cùng chám vàng) - D-Dimer control plasma, dương thấp: 2x1mL (huyết tương người, nắp trắng).	Hộp	2	Human/ Đức	
182	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01%	Hộp	2	Human/ Đức	
183	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Hộp	13	Medica/Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
184	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Biflouride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	12	Medica/Mỹ	
185	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Hộp	5	Medica/Mỹ	
186	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	5	Medica/Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
187	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	5	Medica/Mỹ	
188	Màng điện cực máy xét nghiệm điện giải	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Hộp	1	Medica/Mỹ	
189	Bộ bảo trì máy xét nghiệm điện giải	Bộ bảo trì dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	1	Medica/Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
190	Bộ phát hiện mẫu máy xét nghiệm điện giải	Bộ phát hiện mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Bộ	1	Medica/Mỹ	
191	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Li ⁺ , Ca ⁺⁺ , pH) với 3 mức: bình thường, cao và thấp. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Chai	12	Medica/Mỹ	
192	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Lọ	1	Medica/Mỹ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
193	Van máy xét nghiệm điện giải	Van dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	1	Medica/Mỹ	
194	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TnI	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng troponin-I tim (Tn-I) trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng Tn-I của người ở vạch xét nghiệm, trong khi streptavidin ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng Tn-I người, liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat. <p>*Dải làm việc: 0.10–50 ng/mL</p>	Hộp	5	Boditech/ Hàn Quốc	
195	Chất kiểm chuẩn mức độ thấp Troponin	<p>*Boditech Cardiac Control được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của kit xét nghiệm tim mạch "Cardiac Assay Kit". Dạng đông khô.</p> <p>*Thành phần: Boditech Cardiac Control bao gồm 'Boditech Cardiac Control level 1', 'Boditech Cardiac Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Giá trị Control & Barcode Sheet'.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Control chứa phức hợp troponin tim mạch người, CKMB protein người, kháng nguyên Myoglobin, NT - proBNP tái tổ hợp người và huyết thanh ngựa. 	Hộp	2	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
196	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt (Prostate specific antigen- PSA) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của con người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng PSA người ở vạch xét nghiệm, trong khi streptavidin ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang-kháng PSA người, chất liên hợp huỳnh quang-biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm photphat (PBS) làm chất bảo quản. <p>*Dải làm việc: 0.1-100 ng/mL (đối với huyết tương/ huyết thanh) 0.5-100 ng/mL (đối với máu toàn phần)</p>	Hộp	5	Boditech/ Hàn Quốc	
197	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng PSA	<p>*Boditech Tumor marker Control được dùng để kiểm soát chất lượng của bộ xét nghiệm chất chỉ điểm khối u (PSA, AFP, CEA) được sản xuất/cung cấp bởi Boditech Med Inc.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Boditech Tumor marker Control được cung cấp ở dạng đông khô. - Chất kiểm chứng chứa dung dịch chuẩn gốc PSA, dung dịch chuẩn gốc AFP, dung dịch chuẩn gốc CEA và huyết thanh ngựa. 	Hộp	2	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
198	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Alpha Feto Protein (AFP) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có AFP kháng người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG thỏ ở vạch kiểm soát. - Đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng AFP người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgG thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS) làm chất bảo quản. <p>*Dải làm việc: 5-350 ng/mL</p>	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	
199	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	<p>*Boditech Tumor marker Control được dùng để kiểm soát chất lượng của bộ xét nghiệm chất chỉ điểm khối u (PSA, AFP, CEA) được sản xuất/cung cấp bởi Boditech Med Inc.</p> <p>*Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Boditech Tumor marker Control được cung cấp ở dạng đông khô. - Chất kiểm chứng chứa dung dịch chuẩn gốc PSA, dung dịch chuẩn gốc AFP, dung dịch chuẩn gốc CEA và huyết thanh ngựa. 	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
200	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng CEA trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng CEA của người ở vạch xét nghiệm và IgY của gà ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang CEA kháng người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium 	Hộp	5	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		azide trong nước muối đệm photphat (PBS) làm chất bảo quản. *Dải làm việc: 1-500 ng/mL				
201	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	*Boditech Tumor marker Control được dùng để kiểm soát chất lượng của bộ xét nghiệm chất chỉ điểm khối u (PSA, AFP, CEA) được sản xuất/cung cấp bởi Boditech Med Inc. *Thành phần: - Boditech Tumor marker Control được cung cấp ở dạng đông khô. - Chất kiểm chứng chứa dung dịch chuẩn gốc PSA, dung dịch chuẩn gốc AFP, dung dịch chuẩn gốc CEA và huyết thanh ngựa.	Hộp	2	Boditech/ Hàn Quốc	
202	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần gồm: - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm, mà kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm và IgG của thỏ ở vạch kiểm soát. - Bộ đệm phát hiện chứa chất liên hợp huỳnh quang A0 chống hemoglobin người, chất liên hợp huỳnh quang IgG từ dê kháng thỏ, albumin huyết thanh của bò (BSA) như một chất ổn định và natri azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS). - Dung dịch đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide như một chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS)	Hộp	12	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		*Dải làm việc: NGSP (%): 4-15 %				
203	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	<p>*Boditech HbA1c Control được thiết kế để sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của bộ kit xét nghiệm HbA1c Assay Kit. Dạng đông khô.</p> <p>*Thành phần: Boditech HbA1c Control bao gồm 'Boditech HbA1c Control level 1', 'Boditech HbA1c Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Barcode Sheet'.</p> <p>- Control có chứa HbA1c stock và huyết thanh ngựa</p>	Hộp	3	Boditech/ Hàn Quốc	
204	Thuốc thử xét nghiệm định lượng B-HCG toàn phần	<p>*Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng β-hCG tổng trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa peptide liên hợp kháng thể kháng hCG và IgG-hCG chuốt ở vạch phản ứng và streptavidin ở vạch chứng. - Ống phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, liên hợp huỳnh quang kháng human chorionic gonado tropin, albumin huyết thanh bò (BSA) và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện chứa BSA, Tween20 và sodium azide trong PBS. - Dung dịch pha loãng mẫu chứa sodium azide trong đệm PBS. 	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		*Phạm vi đo: 5-50,000 mIU/mL				
205	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng B-HCG	<p>*Boditech Hormone Control được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Kit xét nghiệm Hormone "Hormone Assay Kit". Dạng đông khô.</p> <p>*Thành phần: Boditech Hormone Control bao gồm ‘Boditech Hormone Control level 1’, ‘Boditech Hormone Control level 2’, ‘Hướng dẫn sử dụng’ và ‘Giá trị Control & Barcode Sheet’.</p> <p>- Control chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, gonadotropin màng đệm, human (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo - L-thyronine và huyết thanh ngựa.</p>	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
206	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng TSH trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <p>- Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát.</p> <p>- Các lọ phát hiện có đệm phát hiện dạng đông khô chứa liên hợp huỳnh quang-kháng TSH của người, liên hợp huỳnh quang-kháng IgY gà, sucrose, IgG chuột, albumin huyết thanh bò (BSA) và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS).</p> <p>- Dung dịch pha loãng phát hiện chứa tween 20, triton X-100 và</p>	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		sodium azide trong dung dịch đệm kali photphat -potassium phosphate buffer (Kpi). *Dải hoạt động: 0.1-100 μ IU/mL				
207	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	*Boditech Hormone Control được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Kit xét nghiệm Hormone "Hormone Assay Kit". Dạng đông khô. *Thành phần: Boditech Hormone Control bao gồm 'Boditech Hormone Control level 1', 'Boditech Hormone Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Giá trị Control & Barcode Sheet'. - Control chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, gonadotropin màng đệm, human (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo - L-thyronine và huyết thanh ngựa.	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
208	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T4, liên hợp huỳnh quang BSA-biotin, albumin huyết thanh bò (BSA), sucrose và IgG của chuột như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. - Dung dịch pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphthalene-	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		1-sulfonic (ANS), albumin huyết thanh bò (BSA), Tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong PBS. *Dải hoạt động: 10.23-300.0 nmol/L				
209	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng T4	*Boditech Hormone Control được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Kit xét nghiệm Hormone "Hormone Assay Kit". Dạng đông khô. *Thành phần: Boditech Hormone Control bao gồm 'Boditech Hormone Control level 1', 'Boditech Hormone Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Giá trị Control & Barcode Sheet'. - Control chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, gonadotropin màng đệm, human (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo - L-thyronine và huyết thanh ngựa.	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
210	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng triiodothyronine (total T3) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh *Thành phần gồm: - Cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Ống phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) và sucrose làm chất ổn định, IgG của chuột như một chất chặn và sodium azide làm chất bảo quản trong	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>dung dịch đệm sodium phosphate.</p> <p>- Chất pha loãng phát hiện có chứa axit 8-anilinonaphtalen-1-sulfonic (ANS), Tween20 làm chất tẩy rửa, sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch sodium hydroxide.</p> <p>*Dải hoạt động: 0.5-5.0 ng/mL (0.77-7.7 nmol/L)</p>				
211	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng T3	<p>*Boditech Hormone Control được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Kit xét nghiệm Hormone "Hormone Assay Kit". Dạng đông khô.</p> <p>*Thành phần: Boditech Hormone Control bao gồm 'Boditech Hormone Control level 1', 'Boditech Hormone Control level 2', 'Hướng dẫn sử dụng' và 'Giá trị Control & Barcode Sheet'.</p> <p>- Control chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, gonadotropin màng đệm, human (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo - L-thyronine và huyết thanh ngựa.</p>	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
212	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	<p>Hoá chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng T4 tự do (thyroxine tự do) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>Nguyên lý: Xét nghiệm sử dụng phương pháp miễn dịch cạnh tranh</p> <p>Dải hoạt động : 1-100 pmol/L</p> <p>Thành phần:</p> <p>- Cartridge được gọi là que thử, có streptavidin ở vạch thử nghiệm và IgY của gà ở vạch đối chứng</p> <p>- Ống phát hiện có 2 hạt chứa liên hợp huỳnh quang - anti T4, liên hợp huỳnh quang - anti IgY của gà, liên hợp T4-biotin và natri azide làm chất bảo quản trong Tris-HCl.</p>	Hộp	8	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Chất pha loãng phát hiện chứa natri azide làm chất bảo quản trong Tris-HCl và nó được phân phối sẵn trong lọ. 				
213	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Boditech Free T4 Control được thiết kế để kiểm soát chất lượng của bộ xét nghiệm Free T4 do Boditech Med Inc. sản xuất/cung cấp. Thành phần: Boditech Free T4 Control chứa “Boditech Free T4 Control Level 1”, ‘Boditech Free T4 Control Level 2’, ‘Instructions for use’ và ‘Control value & Barcode sheet’. <ul style="list-style-type: none"> - Boditech Free T4 Control được cung cấp ở dạng đông khô. - Chất đối chứng có chứa L-thyroxine và huyết thanh ngựa. 	Hộp	4	Boditech/ Hàn Quốc	
214	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ASO	<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng của Anti Streptolysin O (ASO) trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich *Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Cartridge chứa màng gọi là dải xét nghiệm có protein SLO ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Đệm phát hiện có dung dịch đệm phát hiện đông khô chứa liên hợp phát quang protein SLO, liên hợp huỳnh quang kháng gà, IgG chuột như chất chặn, sucrose và albumin huyết thanh (BSA). - Dung dịch pha loãng chứa anergent, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide trong dung dịch đệm dung dịch đệm photphate (PBS) như một chất bảo quản. 	Hộp	5	Boditech/ Hàn Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		*Dải làm việc: 25-800 IU/mL				
215	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes; tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020 của hãng Arkray	Hộp	150	Arkray/ Philippine	
216	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu dùng cho máy xét nghiệm	Hộp	15	DFI/ Hàn Quốc	
217	Ống chứa mẫu dùng cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng	Ống đo tốc độ máu lắng tương thích dùng cho máy ESR 3000/SFRI	Hộp	1	SFRI/ Pháp	
218	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đo tốc độ máu lắng	Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho máy ESR 3000/SFRI, quy cách: 9ml/lọ	Hộp	1	SFRI/ Pháp	
219	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Glucon ate 2%, Sodium lauryl ether sunphate, Sodium lauryl Benzene Sulfonate, Coconut fatty acid, Diethanol Amide, Cocamido propyl betain, chất bảo vệ, dưỡng da, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ 100%. Can 5 lít	Can	5	Công ty cổ phần hỗ trợ và phát triển dịch vụ y tế Việt Nam (SDS), Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
220	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không cần nước	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), IChlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chai 1000m	Can	5	Công ty CP Hỗ trợ và Phát triển Dịch vụ Y tế Việt Nam (SDS); Việt Nam	
221	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	THÀNH PHẦN: Chlohexidine digluconate 4 % (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanol-amine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. Can 5 lít. Iso 13485	Can	10	Tân Hương; Việt Nam	
222	Chất tẩy rửa mạnh và khử khuẩn dụng cụ ngoại khoa, nội khoa và dụng cụ nội soi	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHOPHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử, dùng được 75 ngày sau khi mở nắp bình. - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis). - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.)	Can	5	Systagenix Wound Management Manufacturing Limited, Vương quốc Anh	
223	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ, sử dụng cho khử nhiễm ban đầu	Thành phần chính: Glutaraldehyde 2,55 % (w/w) Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Can ≥ 5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Can	5	Lavitec, Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
224	Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	Enzyme Protease: 4% w/w; Enzyme Lipase: 0.5% w/w; Enzyme Amylase: 0.3% w/w; Alcohol Ethoxylate: 8% w/w; Chất chống ăn mòn kim loại và cùng một số Enzyme, chất phụ gia hỗ trợ khác vừa đủ 100%. Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế (nội khoa, ngoại khoa, dụng cụ y tế...), phù hợp sử dụng trong chậu ngâm hoặc bằng máy rửa siêu âm và máy rửa dụng cụ tự động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Can	5	Tân Hương; Việt Nam	
225	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	- Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. - Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. - Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) - Vi khuẩn: EN 14561 - Nấm, mốc: EN 14562 - Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563. - Quy cách can 5 lít	Can	100	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/ Việt Nam	
226	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50% (kl/kl), mỗi viên 5g chứa 2,5g hoạt chất.	Viên	5000	Medentech Limited, Ireland	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
227	Parafin rắn	Parafin thể rắn, dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị.	Kg	200	Kun Lun; Trung Quốc	
228	Dầu Parafin vô khuẩn	Dầu parafin là loại dầu khoáng sản ở dạng chất lỏng không mùi không vị, màu trắng. Không hòa tan trong nước và ethanol. Ống 5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống	300	Vĩnh Phúc, Việt Nam	
229	Dầu parafin đồng nhất không tạp chất	Chất lỏng không mùi, không màu, không độc hại, không hoà tan trong nước	Lít	20	Gandhar Oil Refinery (India) Ltd	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
230	Cồn tuyệt đối 1000ml	Ethanol đạt 99,9%, không màu, có mùi đặc trưng, chai 1 lít	Chai	5	Thuận Phát; Việt Nam	
231	Vôi sô đa "Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc"	Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH)2. NaOH, hạt màu trắng, sáng hoặc hồng nhạt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Thể tích can 4,5 Kg Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Can	1	Molecular Produc Ltd - Anh	
232	Nước Javen	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng, nồng độ 10-12%, can 10 lít	Lít	40	Thuận Phát; Việt Nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
233	Cồn 90 độ dược dụng	Cồn 90 độ có tên hóa học là Ethanol, có hàm lượng Ethanol đạt 90,3%. Có tác dụng rộng rãi trong lĩnh vực y tế để sát trùng, vệ sinh diệt khuẩn các dụng cụ y tế và điều chế thuốc gây mê. Cồn đạt 90,3 độ, Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng, là chất lỏng.	Lít	20	Thuận Phát; Việt Nam	
234	Dầu soi kính	Dung dịch dầu soi kính hiển vi, trong suốt, không màu, chai 500ml	Lọ	4	MERCK; Đức	
235	Acid acetic 3%	Thành phần gồm: axit axetic 3% và nước cất tinh khiết vừa đủ 500ml. Dạng lỏng, trong, không màu, axit axetic là một chất lỏng trong suốt không màu, có mùi xốc đặc biệt, dễ bắt lửa.	Chai	12	Công ty Xilong Scientific, Việt Nam	
236	Gel điện tim	Gel điện tim phù hợp điện cực máy điện tim, điện não, cho chất lượng hình ảnh siêu âm tuyệt vời, giúp bảo vệ bề mặt đầu dò siêu âm không bị ăn mòn một cách nhanh chóng, không chứa formaldehyde, vô khuẩn, không mẫn cảm da, không gây rát da.	Can, Tube	5	Công ty CPDP Và TBYT An Phú, Việt Nam	
237	Gel siêu âm	Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. Thành phần : Carbomer, glycerin, nước tinh khiết...Can 5 lít.	Can	10	Công ty CPĐTTM&Sản xuất TBYT 3A / Việt nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
238	Khí ÔXY bình (40 lít)	- Khí oxy sử dụng trong y tế - Hàm lượng $\geq 99,6\%$ - Áp suất nạp 150 bar - Áp sử dụng 135 bar	Bình	1200	- Tên nhà sản xuất: Công ty CP Nippon sanso Việt Nam. Đóng bình tại Công ty CP thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội.	
239	Khí ÔXY bình (7 lít)	- Khí oxy sử dụng trong y tế - Hàm lượng $\geq 99,6\%$ - Áp suất nạp 150 bar - Áp sử dụng 135 bar	Bình	100	- Tên nhà sản xuất: Công ty CP Nippon sanso Việt Nam. Đóng bình tại Công ty CP thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội.	
240	Khí CO2	- Hàm lượng $\geq 99,9\%$ - Trọng lượng nạp: $\geq 5\text{kg}/\text{bình}$	Bình	50	- Tên nhà sản xuất: Công ty CP khí công nghiệp Bắc Hà. Đóng bình tại Công ty CP thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội.	
241	Huyết thanh mẫu Anti A	Anti A, lọ 10ml	Lọ	20	Spectrum Diagnostic, Ai Cập	
242	Huyết thanh mẫu Anti B	Anti B, lọ 10ml	Lọ	20	Spectrum Diagnostic, Ai Cập	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
243	Huyết thanh mẫu Anti AB	Anti AB, lọ 10ml	Lọ	20	Spectrum Diagnostic, Ai Cập	
244	Huyết thanh mẫu Anti D(Rh1)IgMI	Anti D, lọ 10ml	Lọ	20	Spectrum Diagnostic, Ai Cập	
245	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	"Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Ngưỡng phát hiện (LOD): 0,92ng/mL - Độ nhạy tương quan: : 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.7% - Độ chính xác tương quan: 99,8% Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D"	Test	3000	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	
246	Test thử nhanh phát hiện kháng thể lao	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium tuberculosis (M. TB) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC ; Phân loại trang TBYT loại C - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 87.2%, - Độ đặc hiệu tương quan: 94.6% - Độ chính xác tương quan: 93.2% - Khay thử bao gồm: 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp (M. TB conjugates) và cộng hợp kháng thể kiểm chứng.	Test	500	Beijing Genesee Biotech, Inc/ China	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose có chứa 2 vạch thử (vạch M và vạch G) và một vạch chứng (C).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vạch M phủ sẵn kháng thể IgM kháng người (anti-human) để phát hiện kháng thể IgM kháng M. TB - Vạch G phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M. TB - Vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo: CMV, Sốt rét, HCV, HIV, Giang mai, ANA, HAMA, RF (lên tới 2500 IU/mL) - Bảo quản nhiệt độ thường 				
247	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	<p>"Que thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần.</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Độ chính xác tương quan: 99.5% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% <p>Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	600	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	
248	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	<p>"Que thử xét nghiệm sử dụng để định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100%% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,0% - Độ chính xác tương quan: 99,3% 	Test	3000	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D"				
249	Định tính phát hiện kháng thể kháng TP(IgM,IgG,IgA) giang mai.	Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Phân loại trang TBYT loại D - Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100% - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng nguyên TP K011B (0,16 µg) - Vạch kết quả Kháng nguyên TP K011A (0,2 µg); - Vạch chứng: Kháng thể thổ kháng TP (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	100	InTec Products, Inc/Trung Quốc	
250	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút Rota	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 97,2% - Thành phần Test thử: Cộng hợp vàng kháng thể kháng virut Rota #1 kháng thể IgY gà - Vạch kết quả kháng thể kháng Virut Rota #2 - Vạch chứng kháng thể dê kháng IgG gà. - Bảo quản nhiệt độ thường	Test	2000	Beijing Genesee Biotech, Inc/ China	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
251	Test nhanh xét nghiệm Morphin 1 chân	"Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP, cộng hợp MOP-BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Đọc kết quả tại 5 phút"	Test	1500	Medicon/Vietnam	
252	Test nhanh xét nghiệm Amphetamine	"Định tính phát hiện Amphetamine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng AMP; IgG-thỏ; Cộng hợp AMP-BSA. Ngưỡng phát hiện (cut-off): 1000ng/mL. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Uric acid Đọc kết quả tại 5 phút"	Test	1500	Medicon/Vietnam	
253	Test nhanh xét nghiệm Methamphetamine	"Định tính phát hiện Methamphetamine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MET, cộng hợp MET-BSA. Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Uric acid Đọc kết quả tại 5 phút"	Test	1500	Medicon/Vietnam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
254	Test nhanh xét nghiệm Marijuana	"Định tính phát hiện Marijuana trong nước tiểu người, khi nồng độ hóa chất chuyển hóa của nó vượt ngưỡng phát hiện. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng THC, cộng hợp kháng nguyên THC-BSA. Ngưỡng phát hiện: 50 ng/mL - Độ nhạy tương quan 100%, - Độ đặc hiệu tương quan 100%, - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL:: Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Uric acid Đọc kết quả tại 5 phút"	Test	1500	Medicon/Vietnam	
255	Test thử nhanh phát hiện và phân biệt kháng nguyên virus viêm gan E	"Khay thử HEV IgG/IgM Rapid Test là xét nghiệm chẩn đoán In-vitro định tính phát hiện kháng thể IgG và/ hoặc IgM kháng HEV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đối với kháng thể IgM kháng HEV - Độ nhạy tương quan: 93.3% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.6% - Độ chính xác tương quan: 97.9% Đối với kháng thể IgG kháng HEV - Độ nhạy tương quan: 90% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.7% - Độ chính xác tương quan: 97.7% Không phản ứng chéo với với các mẫu dương tính HBV, HIV, HCV, Syphilis và mẫu chứa yếu tố dạng thấp (RF)."	Test	500	Medicon/Vietnam	
256	Test thử nhanh phát hiện và phân biệt kháng nguyên sốt rét chủng Pf/Pv	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng virus gây bệnh sốt rét Malaria dạng Pf/Pv - Đạt chứng chỉ ISO13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC ; Phân loại trang TBYT loại C. - Mẫu thử, máu toàn phần - Phát hiện Pf: Độ nhạy: 92.4%; Độ đặc hiệu: 98.8%	Test	300	Beijing Genesee Biotech, Inc/ China	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>- Phát hiện Pv: Độ nhạy: 90.5%; Độ đặc hiệu: 98.7%</p> <p>Khay thử bao gồm:</p> <p>1) Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể chuột kháng Pv-LDH (cộng hợp Pv-LDH-vàng) và cộng hợp kháng thể chuột kháng pHRP-II (cộng hợp pHRP-II-vàng) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát-vàng,</p> <p>2) Màng nitrocellulose gồm hai vạch kết quả (vạch Pv, Pf) và một vạch chứng (vạch C). Vạch kết quả Pv phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng Pv-LDH để phát hiện kháng nguyên Pv, vạch kết quả Pf phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng pHRP-II để phát hiện nhiễm Pf và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể kiểm soát- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Dengue, HBsAg, HCV, HAV, HIV, Syphilis, TB, H.pylori...</p> <p>- Bảo quản nhiệt độ thường</p>				
257	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên (NS1) virus sốt xuất huyết	<p>"Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1.</p> <p>Quy cách: 30 khay thử, 30 Pipet nhựa, 1 Lọ dung dịch đệm, 1 HDSD.</p> <p>- Độ nhạy tương quan: 100%;</p> <p>- Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%;</p> <p>- Độ chính xác tương quan: 99.0%.</p> <p>Ngưỡng phát hiện (LoD): 0.25 ng/mL.</p> <p>Phân loại BYT: C</p> <p>Đọc kết quả tại 15 phút"</p>	Test	300	Medicon/Vietnam	
258	Test xét nghiệm Chlamydia	<p>Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis.</p> <p>- Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới</p> <p>-Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C</p> <p>- Ngưỡng phát hiện: 5×10^4 IFU/ml</p> <p>- Độ nhạy: 93,58% ; Độ đặc hiệu: 99,08%</p>		200	Guangzhou Wondfo Biotech Co., Ltd./Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>Thành phần kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. <p>- Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....</p>				
259	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	<p>"Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A và cúm B từ dịch mũi, dịch hầu họng và dịch ty hầu</p> <p>Hiệu quả chẩn đoán Cúm A:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: 99,22% - Độ chính xác tương quan: 99,38% <p>Hiệu quả chẩn đoán Cúm B:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: 99,61% - Độ chính xác tương quan: 99,67% <p>Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99%</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 15</p> <p>Phân loại BYT: C"</p>	Test	1000	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd. Trung Quốc	
260	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút chân tay miệng	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong (huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. -Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Độ nhạy: 96.8% ; Độ đặc hiệu: 99.4% <p>Thành phần Kit thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kháng thể EV71 (EV71 antibody): 20 µg/ml; Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen): 0.175 mg/ml; 	Test	500	Guangzhou Wondfo Biotech Co., Ltd./Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		<p>3. Kháng thể kháng chuỗi μ-IgM người (Anti-human IgM μ-chain antibody): 1.5 mg/ml</p> <p>4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml</p> <p>- Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG</p>				
261	Test nhanh Mycoplasma	<p>Mycoplasma Pneumoniae IgM Rapid Diagnostic Test Kit được sử dụng để định tính phát hiện kháng thể IgM kháng Mycoplasma Pneumoniae (MP) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>- Độ nhạy: 94,83%</p> <p>- Độ đặc hiệu: 96,01%</p> <p>- Độ chính xác: 95,65%</p>	Test	500	InTec Products, Inc/Trung Quốc	
262	Test nhanh RSV	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên RSV</p> <p>- Mẫu phẩm: Dịch mũi/dịch họng/dịch rửa mũi</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC</p> <p>Thành phần test thử : Khay thử bao gồm:</p> <p>1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng Protein RSV F liên hợp với keo vàng (cộng hợp kháng thể).</p> <p>2. Màng nitrocellulose có chứa vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng RSV và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng.</p> <p>Độ nhạy tương quan: 96.3%</p> <p>Độ đặc hiệu tương quan: 97.9%</p> <p>Độ chính xác tương quan: 97.3%</p> <p>Ngưỡng phát hiện: chủng RSV tuýp A là 1.07×10^4 TCID50/mL và tuýp B là 1.2×10^4 TCID50/mL</p> <p>-Không phản ứng chéo với fluenza type A & type B, Rotavirus Antigen rotavirus, Chlamydia trachomatis,...</p> <p>- Phân loại trang TBYT loại C</p>	Test	1000	Beijing Genesee Biotech, Inc/ China	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
263	Test nhanh ADV	<p>Định tính kháng nguyên Rotavirus và Adenovirus</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Mẫu phân của người - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC <p>Thành phần test thử:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota với hạt vàng (cộng hợp kháng vi rút Rota) và cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng vi rút Adeno với hạt vàng (cộng hợp kháng virút Adeno). 2. Một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch R và vạch A) và một vạch chứng (vạch C). Vạch R phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Rota, vạch A phủ sẵn kháng thể kháng vi rút Adeno và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể để kiểm chứng. <p>Độ nhạy tương quan: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu tương quan: 97.2%</p> <p>Độ chính xác tương quan: 98.1%</p> <p>Không phản ứng chéo với : Thương hàn, virus rota, virus adeno, bệnh tả, thương hàn,...</p>	Test	1000	Beijing Genesee Biotech, Inc/ China	
264	Giemsa mẹ	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa 100ml	Chai	2	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Nam Khoa, Việt Nam	
265	Bộ nhuộm Lao 250ml	Bộ hóa chất sử dụng để nhuộm Ziehl Neelsen. Gồm 3 chai (Mỗi chai 250ml) :Methylene Blue , Carbol Fuchsin ,Hydrochloric acid in ethanol	Bộ	10	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt nam	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
266	Bộ nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml.	Bộ	10	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt nam	
267	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Acid (Can A loại 10L)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H ₂ O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H ₂ O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H ₂ O: 38,50 g (=35g Glucose khan). - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can	800	CÔNG TY TNHH AEONMED VIỆT NAM	
268	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Bicarbonat (Can B loại 10L)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g- Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485; Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhômSử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can	800	CÔNG TY TNHH AEONMED VIỆT NAM	
269	Quả lọc thận nhân tạo 1.8m ²	Diện tích màng: 1,8m ² . Chất liệu màng: Polyethersulfone. KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc): 60. Thể tích môi: 109 ml. Độ dày màng (µm): 40. Đường kính trong (µm): 200. Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 500. Qb = 200 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): 10ml/phút, Urea: 197, Creatinine: 196, Phosphate: 192, Vitamin B12: 156, Inulin: 130. Tiệt trùng: Gamma Rays. Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC	Quả	300	Dora/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
270	Quả lọc thận diện tích bề mặt 1.1m ²	<ul style="list-style-type: none"> - Quả lọc khô - Nguyên liệu: màng lọc làm tự sợi thiên nhiên cellulose triacetate . - Diện tích: 1,1 m². - Thể tích môi: 68 ml. - PTM/TMP Max: 500 mmHg - Độ dày: 15 µm. - Chiều dài hiệu quả: 205 mm - Đường kính trong: 200 µm - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC 	Quả	10	Nipro/ Thái Lan	
271	Quả lọc dịch	<p>Quả lọc dịch chạy thận nhân tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng: 2.2 (m²) - Trọng lượng: 170 (g) - Chất liệu vỏ: Polypropylene - Vật liệu 2 đầu (nắp): Polyurethane - Chống ẩm: Silicone - Kết nối với máy: hệ thống DIAFIX™ Lock - Thông số lọc 5 mL/min mm HG (3.75 L/min bar; max. 2bar) - Thời hạn sử dụng: điều trị HD tiêu chuẩn: tối đa 12 tuần; điều trị ONLINE HF/HDF, ONLINE priming/rinsing: tối đa 12 tuần hoặc 100 ca điều trị - Hoá chất tiệt trùng: <p>Puristeril® 340 hay Puristeril® plus (peracetic acid) Diasteril® (hydroxyacetic acid) hay Citrosteril® (citric acid) Sporotal®100 (sodium hypochlorite) tiệt trùng tối đa 11 lần</p>	Quả	8	Fresenius Medical Care AG & Co. KGaA/ Đức	
272	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	<p>Bộ dây thấm tách máu có cấu tạo sản phẩm gồm 2 phần chính: Động mạch và Tĩnh mạch.</p> <p>1.Động mạch: Bộ dây chạy thận dài 6m có 1 đầu transducer, đường kính ~(4.5x6.8mm) mm. đường kính bầu 19-25mm, dài 122mm; Chất liệu mềm mại, không chứa DEHP, tương thích với nhiều loại máy chạy thận</p>	Bộ	350	Dora/ Trung Quốc	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
		- Tiết trùng bằng khí EO 2. Tĩnh mạch: Bộ dây chạy thận dài 6m có 1 đầu transducer, đường kính ~(4.5x6.8mm) mm. đường kính bầu 19-25mm, dài 122mm; Chất liệu mềm mại, không chứa DEHP, tương thích với nhiều loại máy chạy thận - Tiết trùng bằng khí EO				
273	Que thử hàm lượng Clo trong nước chạy thận nhân tạo	Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây; Đạt tiêu chuẩn ISO ISO 13485.	Test	300	B.Braun/ Việt Nam	
274	Que thử độ cứng trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 10 giây; Đạt tiêu chuẩn ISO ISO 13485.	Test	300	B.Braun/ Việt Nam	
275	Que thử tồn dư Peroxide trong nước chạy thận nhân tạo	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide Kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây. Không dùng que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm. Đạt tiêu chuẩn ISO ISO 13485.	Test	300	B.Braun/ Việt Nam	
276	Muối viên tinh khiết	Muối viên tinh khiết dùng tái sinh thiết bị lọc nước. Hàm lượng NaCl ≥99.5%; Đường kính 22-23mm; Độ dày 10mm; Trọng lượng mỗi viên 9-10grams.	Kg	4000	V.S.Forgings/ Ấn độ	

TT	Tên phần (lô)	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng / khối lượng	Hãng / nước sản xuất	Ghi chú
277	Acid rửa máy	Màu trắng; Hàm lượng Acid citric $\geq 99,5$ %	Kg	70	TTCA Co.,Ltd/ Trung Quốc	
278	Dung dịch Javen 12% (Dung dịch rửa máy)	Hàm lượng Sodium hypochlorite (NaOCl) $10,0 \pm 2$ (%); Hàm lượng Sodium hydroxide (NaOH) Không lớn hơn 3%	Can	1	Hóa chất Việt Mỹ – VMCGROUP/Việt Nam	
279	Dung dịch khử trùng quả lọc thận	Thành phần bao gồm Peracetic acid: 4.0%, Hydrogen peroxide: 26.0%, Acetic Acid: 5%- 10%, nước: 60% - 65%. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 .	Can	3	Ginyork Mfg. Co., Ltd/ Đài Loan	
	Tổng cộng: 279 mặt hàng					